

Phụ lục 02
ƯỚC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2025 VÀ CHỈ TIÊU NHIỆM KỲ 2025 – 2030
(Kèm theo Báo cáo số 102 -BC/ĐU, ngày 06/8/2025 của Đảng ủy UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Mục tiêu 2025 - 2030
1	Hàng năm, chi bộ, đảng bộ cơ sở cụ thể hóa, chủ trì triển khai thực hiện được 01 mô hình, phần việc cụ thể, nhiệm vụ đột phá tạo chuyển biến rõ nét trong công tác xây dựng Đảng, đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	%	100	100
2	Hàng năm, tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chí “đảng bộ cơ sở 4 tốt”, “chi bộ 4 tốt” và hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	90	100
3	Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm	%	90	90
4	Tỷ lệ đảng viên là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hàng năm	%	95	95
5	Kết nạp đảng viên hàng năm	Đảng viên	>60	≥ 50
6	Kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra hai cấp hoàn thành theo chương trình, kế hoạch hàng năm	%	100	100
7	Hàng năm, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Đảng ủy UBND tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	%	100	100
8	Hàng năm, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn văn hoá, an toàn về an ninh trật tự	%	85	> 85
9	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm	%	8,75	10 - 11
10	Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người đến năm 2030	Triệu đồng	69,8	130
		USD	2.922	5.000

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Mục tiêu 2025 - 2030
11	Lượng khách du lịch đến năm 2030	Nghìn người	4.400	6.000
	Doanh thu du lịch đến năm 2030	Tỷ đồng	4.500	≥10.000
12	Kim ngạch xuất khẩu hàng địa phương tăng bình quân hằng năm	%	8,28	10 - 11
13	Thu nội địa tăng bình quân hằng năm	%	41,59	≥10
14	Tổng vốn đầu tư xã hội cả giai đoạn 2025 – 2030	Nghìn tỷ đồng	48	250 - 270
15	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đến năm 2030	%	15	>30
16	Tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đến năm 2030 (theo phân loại đường đến hết năm 2024)	%	80	>90
	Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đến năm 2030	%	90	>95
17	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đến năm 2030	%	49,7	>60
18	Tỷ lệ xã, phường đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã đến năm 2030	%		100
	Số bác sỹ/10.000 dân đến năm 2030	Bác sỹ	11,5	12
	Số giường bệnh/10.000 dân đến năm 2030	Giường	34	37
	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2030	%	95	>96
19	Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030	%	65	≥76
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đến năm 2030	%	30	35 - 40
20	Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2030 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025)	%	1,36	0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước thực hiện năm 2025	Mục tiêu 2025 - 2030
21	Kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông hằng năm cả 3 tiêu chí	%	≥ 5	≥ 5
	Giảm số vụ phạm tội về trật tự xã hội hằng năm	%	≥ 3	≥ 5
22	Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030			0,7 - 0,75
23	Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030	%	64,5	65
24	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đến năm 2030	%	99	100
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đến năm 2030	%	60	80
25	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị được thu gom, phân loại và xử lý đến năm 2030	%	98,82	>99
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt ở khu dân cư nông thôn được thu gom, phân loại và xử lý đến năm 2030	%	60	90